

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 407/2026/DS-PT
Ngày: 11-5-2026
Về việc tranh chấp hợp đồng
dân sự -vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kiều Kim Xuân;

Các Thẩm phán:

Ông Võ Thanh Bình;

Ông Trần Hữu Tính.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Hà Ngọc Thư Trúc- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2026/TLPT- DS, ngày 03 tháng 3 năm 2026, về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự - vay tài sản.”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 308/2025/DS-ST ngày 30-9-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 785/2026/QĐ-PT ngày 23 tháng 3 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 616/2026/QĐ-PT ngày 14 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1969;

Địa chỉ cũ: Ấp N, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

Nay là: Ấp N, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T:

Anh Dương Thành C, sinh năm 1991;

Địa chỉ cũ: Ấp C, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang;

Nay là: Khu phố C, phường T, tỉnh Đồng Tháp;

(Văn bản ủy quyền số 3581 ngày 15/11/2024.)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968;

Địa chỉ cũ: Ấp B, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang;

Nay là: Khu phố B, phường Đ, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị T1;

Địa chỉ cũ (tạm trú): Tổ X, Khu phố N, Phường K, thành phố M, tỉnh Tiền Giang;

Nay là: Phường T, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thanh H1, là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T – có người đại diện theo ủy quyền là anh Dương Thành C trình bày:

Do có quen biết nên ông Nguyễn Văn T có cho bà Nguyễn Thị H vay nhiều lần tiền, cụ thể như sau:

Ngày 02/03/2024 AL, bà H vay 10.000.000 đồng;

Ngày 16/05/2024 AL, bà H vay 6.000.000 đồng;

Ngày 03/06/2024 AL, bà H vay 5.000.000 đồng;

Ngày 05/06/2024 AL, bà H vay 10.000.000 đồng;

Ngày 08/06/2024 AL, bà H vay 20.000.000 đồng;

Ngày 13/06/2024 AL, bà H vay 10.000.000 đồng;

Ngày 19/06/2024 AL, bà H vay 10.000.000 đồng;

Ngày 06/07/2024 AL, bà H vay 8.000.000 đồng;

Ngày 16/07/2024 AL, bà H vay 6.000.000 đồng;

Ngày 18/07/2024 AL, bà H vay 15.000.000 đồng.

Tổng số tiền ông T cho bà H vay là 100.000.000 đồng. Tất cả các khoản vay đều thỏa thuận miệng lãi suất là 5%/tháng, trả lãi hàng tháng, thời hạn vay là 03 tháng.

Tuy ông T đã nhiều lần đến gặp bà H để đòi tiền nhưng bà H không có thiện chí trả nợ, bà H chỉ trả được số tiền vốn gốc 4.300.000 đồng, chưa trả được bất kỳ số tiền lãi nào. Bà H còn nợ ông T tổng số tiền vốn 95.700.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn T yêu cầu bà Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm trả cho ông T số tiền nợ vốn vay là 95.700.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 01/09/2024 cho đến ngày xét xử. Thời gian trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại Biên bản hòa giải ngày 03/03/2025, ông Nguyễn Văn T - Đại diện theo ủy quyền anh Dương Thành C trình bày khẳng định hai bên chỉ thỏa thuận miệng lãi suất 5%/tháng, nhưng thực tế thì bà Nguyễn Thị H không có đóng lãi cho ông T nhận lần nào mà bà H chỉ có trả cho ông T được 03 lần tiền vốn với số tiền vốn đã trả cho ông T nhận là 4.300.000 đồng. Hiện nay, bà H còn nợ ông Nguyễn Văn T số tiền nợ vốn vay là 95.700.000 đồng và ông T yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 01/09/2024 cho đến ngày xét xử. Thời gian trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, hai bên không có giao nhận giấy tờ gì.

Tại Biên bản hòa giải ngày 29/08/2025, ông Nguyễn Văn T - Đại diện theo ủy quyền anh Dương Thành C trình bày: Việc bà Nguyễn Thị H trình bày bà H có đóng tiền lãi cho ông T với mức lãi suất 30%/tháng thì ông T không thừa nhận lời trình bày của bà H. Ông T khẳng định hai bên chỉ thỏa thuận miệng lãi suất 5%/tháng, nhưng thực tế thì bà H không có đóng lãi cho ông T nhận lần nào mà bà H chỉ có trả cho ông được 03 lần tiền vốn với số tiền vốn đã trả cho ông T nhận là 4.300.000 đồng.

Đối với 05 tờ giấy photo tin nhắn của bà H nộp tại Tòa có nội dung không rõ ràng và là bản photo. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T - Đại diện theo ủy quyền anh Dương Thành C không xác định.

Tại Bản tự khai ngày 03/03/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

- Ngày 02/03/2024 (AL): Bà H vay ông T số tiền 10.000.000 đồng;
- Ngày 16/07/2024 (AL): Bà H vay ông T số tiền 6.000.000 đồng;
- Ngày 18/07/2024 (AL): Vay ông T số tiền 15.000.000 đồng;
- Ngày 03/06/2024 (AL): Vay ông T số tiền 5.000.000 đồng;
- Ngày 05/06/2024 (AL): Vay ông T số tiền 10.000.000 đồng;
- Ngày 08/06/2024 (AL): Vay ông T số tiền 20.000.000 đồng;
- Ngày 16/05/2024 (AL): Vay ông T số tiền 6.000.000 đồng.

Tổng số tiền vay là 72.000.000 đồng. Khi vay tiền ông T cho vay với lãi suất 30%/tháng, cụ thể: Vào ngày 05/06/2024 A bà H vay số tiền 10.000.000 đồng, ngày 08/06/2024 AL bà H vay số tiền 20.000.000 đồng. Tổng cộng là 30.000.000 đồng, ông T nhắn tin trong zalo lấy lãi là 9.000.000 đồng. Từ trước đến nay, bà H đã trả lãi cho ông T như sau:

- + Ngày 02/03/2024 AL trả 12.000.000 đồng;
- + Ngày 16/07/2024 AL trả 1.800.000 đồng;
- + Ngày 18/07/2024 AL trả 4.500.000 đồng;
- + Ngày 03/06/2024 AL trả 3.000.000 đồng;
- + Ngày 05/06/2024 AL trả 6.000.000 đồng;

+ Ngày 08/06/2024 AL trả 12.000.000 đồng;

+ Ngày 16/05/2024 AL trả 5.400.000 đồng.

Số tiền đã trả lãi là 44.700.000 đồng và sau đó có gửi 4.300.000 đồng tiền lãi của tháng 09/2024 AL, tổng số tiền lãi là 49.000.000 đồng. Do bà H đã trả lãi quá nhiều cho ông T nên cần trừ tiền nợ vốn gốc 72.000.000 đồng vào tiền lãi 49.000.000 đồng, bà H xin trả số tiền vốn gốc 23.000.000 đồng.

Tại Biên bản hòa giải ngày 03/03/2025, bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà H thừa nhận có vay của ông Nguyễn Văn T 10 lần với tổng số tiền đã nhận cụ thể như sau:

- Ngày 02/03/2024 (AL): Bà H vay ông T số tiền 10.000.000 đồng;

- Ngày 16/07/2024 (AL): Bà H vay ông T số tiền 6.000.000 đồng;

- Ngày 18/07/2024 (AL): Vay số tiền 15.000.000 đồng;

- Ngày 03/06/2024 (AL): Vay số tiền 5.000.000 đồng;

- Ngày 05/06/2024 (AL): Vay số tiền 10.000.000 đồng;

- Ngày 08/06/2024 (AL): Vay số tiền 20.000.000 đồng;

- Ngày 16/05/2024 (AL): Vay số tiền 6.000.000 đồng (Vay lần đầu 5.000.000 đồng và sau đó nhận thêm số tiền 1.000.000 đồng tổng cộng là 6.000.000 đồng).

- Ngày 13/06/2024 (AL): Vay số tiền 10.000.000 đồng;

- Ngày 19/06/2024 (AL): Vay số tiền 10.000.000 đồng;

- Ngày 06/07/2024 (AL): Vay số tiền 8.000.000 đồng;

Tổng cộng cả 10 lần vay đã nhận của ông Nguyễn Văn T số tiền là 100.000.000 đồng tiền vốn. Hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 30%/tháng. Tổng số tiền lãi bà H đã đóng cho ông T đã nhận là khoảng 80.000.000 đồng. Bà H đóng lãi nhiều lần cho ông T nhận trực tiếp có khi bà T2 không rõ họ tên nhận tiền lãi của bà đóng. Khi bà đóng lãi không có làm biên nhận đóng tiền lãi, không có người làm chứng. Bà H chỉ có tin nhắn điện thoại giữa bà và ông T do ông T kêu hỏi đóng tiền lãi. Ngoài ra không có chứng cứ nào khác.

Tại Biên bản hòa giải ngày 29/08/2025, bà Nguyễn Thị H trình bày: Tổng cộng cả 10 lần vay đã nhận của ông Nguyễn Văn T số tiền là 100.000.000 đồng tiền vốn. Hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 30%/tháng. Tổng số tiền lãi bà H đã đóng cho ông T đã nhận là khoảng 80.000.000 đồng. Bà H đóng lãi nhiều lần cho ông T nhận trực tiếp có khi bà T2 không rõ họ tên nhận tiền lãi của bà đóng. Khi bà đóng lãi không có làm biên nhận đóng tiền lãi, không có người làm chứng. Bà H chỉ có tin nhắn điện thoại giữa bà và ông T do ông T hỏi đóng tiền lãi. Bà H chỉ cung cấp được địa chỉ của nơi bà T2 ở khu nhà trọ tại Phường A, TP M, tỉnh Tiền Giang ngoài ra bà không có cung cấp chứng cứ nào khác.

Đối với bà Nguyễn Thị T1 (T2) là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đồng Tháp đã thực hiện việc niêm yết theo đúng thủ tục hợp lệ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 308/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đồng Tháp đã tuyên xử:

“1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T. Buộc bà Nguyễn Thị H phải thực hiện nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền 116.299.106 đồng (Một trăm mười sáu triệu hai trăm chín mươi chín ngàn một trăm lẻ sáu đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.814.955 đồng.

Ông Nguyễn Văn T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.472.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005358 ngày 07 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp).”

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 14/10/2025, bị đơn bà Nguyễn Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số: 308/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đồng Tháp, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do bà đóng lãi cho ông T quá nhiều, lãi 30%/tháng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Bà vay của ông T nhiều sổ, đóng lãi cho ông T khoảng 400.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, ông T sử dụng sổ mới (biên nhận mới) đi kiện bà. Việc trả lãi thông qua tin nhắn điện thoại. Tuy nhiên bà không có điều kiện sao kê gửi cho Tòa án để làm chứng cứ chứng minh.

Anh Chương, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông T đồng ý rút một phần yêu cầu tính lãi, chỉ yêu cầu bà H trả vốn 95.700.000 đồng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến (Có bài phát biểu kèm theo):

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm, thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần tiền lãi, sửa án sơ thẩm theo hướng rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chỉ buộc bà H trả tiền vốn cho ông T số tiền 95.700.000 đồng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Xét sự vắng mặt của bà T1 không ảnh hưởng đến việc xét xử, phù hợp quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thanh H1, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Bà H1 thừa nhận có vay của ông T số tiền cụ thể theo các biên nhận như sau:

- Ngày 02/03/2024 (AL): Bà H1 vay ông T số tiền 10.000.000 đồng;
- Ngày 16/07/2024 (AL): Bà H1 vay ông T số tiền 6.000.000 đồng;
- Ngày 18/07/2024 (AL): Vay số tiền 15.000.000 đồng;
- Ngày 03/06/2024 (AL): Vay số tiền 5.000.000 đồng;
- Ngày 05/06/2024 (AL): Vay số tiền 10.000.000 đồng;
- Ngày 08/06/2024 (AL): Vay số tiền 20.000.000 đồng;
- Ngày 16/05/2024 (AL): Vay số tiền 6.000.000 đồng (Vay lần đầu 5.000.000 đồng và sau đó nhận thêm số tiền 1.000.000 đồng tổng cộng là 6.000.000 đồng).
- Ngày 13/06/2024 (AL): Vay số tiền 10.000.000 đồng;
- Ngày 19/06/2024 (AL): Vay số tiền 10.000.000 đồng;
- Ngày 06/07/2024 (AL): Vay số tiền 8.000.000 đồng;

Tổng cộng cả 10 lần vay đã nhận của ông Nguyễn Văn T số tiền là 100.000.000 đồng tiền vốn.

Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận tình tiết này.

[2.2] Về lãi suất cho vay: Bà H1 trình bày, ông T cho bà vay lãi suất 30%/tháng. Tại Bản tự khai ngày 03/3/2025, bà H1 chỉ thừa nhận vay của ông T 07 lần, số tiền lãi đã trả cho ông T là 44.700.000 đồng và gửi 4.300.000 đồng tiền lãi của tháng 9/2024 (al), tổng cộng là 49.000.000 đồng. Tại các biên bản hòa giải ngày 03/3/2025 (bút lục.....) ngày 29/8/2025 (bút lục.....) và tại phiên tòa sơ thẩm bà H1 thừa nhận có vay của ông T tổng số tiền 100.000.000 đồng như ông T trình bày, và đóng lãi 80.000.000 đồng, lãi suất 3%, việc đóng lãi không có biên nhận, không có chứng cứ sao kê chứng minh việc chuyển khoản.

Bà H1 cung cấp có tin nhắn zalo in ra giấy A4 tại các bút lục từ số 34 đến số 38 (được bà H1 đánh số thứ tự từ số 01 đến số 05) có nội dung không rõ ràng, có nội dung nhắc trả tiền, không xác định tài khoản ai nhắn cho ai, không đủ chứng cứ minh bà H1 trả lãi và ông T nhận số tiền 80.000.000 đồng.

Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định cụ thể như sau: “4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”.

Do đó, trình bày của bà H1 không có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Nguyên đơn trình bày, khi cho vay hai bên thỏa thuận lãi suất 5%, nhưng cũng không có chứng cứ chứng minh. Nguyên đơn thừa nhận có nhận của bị đơn số tiền 4.300.000 đồng, tự nguyện trừ số tiền 4.300.000 đồng vào vốn vay. Xét thấy, nguyên đơn cũng không có chứng cứ chứng minh số tiền trên là lãi của khoản vay nào, cách thức giao nhận tiền. Tuy nhiên, sự thừa nhận của nguyên đơn là có lợi cho bị đơn, do đó Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm công nhận là có căn cứ.

[2.4] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H1 trình bày: Bà giao dịch vay tiền của ông T rất nhiều lần, nhiều số, từ trước đến nay bà đóng lãi cho ông T bậc 30 phân (30%/tháng) khoảng 400.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, trong vụ này, ông T sử dụng sổ mới (biên nhận mới) đi kiện bà. Việc trả lãi chỉ thông thông qua tin nhắn điện thoại. Tuy nhiên bà không có điều kiện sao kê gửi cho Tòa án để làm chứng cứ chứng minh nguyên đơn. Xét thấy, trình bày của bà H1 không có căn cứ. Bà H1 không cung cấp tài liệu, chứng cứ khác chứng minh cho kháng cáo. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của bà H1.

[2.5] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện bị đơn không đồng ý kháng cáo của bị đơn. Tuy nhiên, đại diện nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần tiền lãi, chỉ yêu cầu bà H1 trả vốn gốc số tiền 95.700.000 đồng. Xét thấy, việc tự nguyện rút lại yêu cầu khởi kiện về tiền lãi là phù hợp quy định của pháp luật, có lợi cho bị đơn. Do đó, Hội đồng xét xử sửa một phần án sơ thẩm về số tiền phải trả và án phí dân sự sơ thẩm, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tiền lãi.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm, nên bà H1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà H1 số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là phù hợp có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308, 92, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự, Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H.
- Sửa bản án sơ thẩm số 308/2025/DS-ST ngày 30-9-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Tháp.

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 357 Bộ luật dân sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về yêu cầu bà Nguyễn Thị H trả tiền vốn vay.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về yêu cầu bà H trả tiền lãi vay.

3. Buộc bà Nguyễn Thị H phải thực hiện nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền vốn vay 95.700.000 đồng (Chín mươi lăm triệu bảy trăm nghìn đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 4.785.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.472.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005358 ngày 07 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp).

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: H2 lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004718 ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đường sự;
 - Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh;
 - Tòa án ND khu vực 1;
 - Thi hành án dân sự Tỉnh;
 - Phòng Giám đốc, Kiểm tra, Thanh tra và THA, TA Tỉnh;
 - Lưu hồ sơ vụ án và VT.
- (TK.Xuân).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Kiều Kim Xuân